TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 5 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 594/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị D, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Văn H trình bày:

Anh và chị Đào Thị D kết hôn với nhau vào năm 1998, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn H, xã B. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D có biểu hiện tâm thần không bình thường dẫn đến vợ chồng

cãi vã, to tiếng, tình trạng ngày càng trầm trọng. Anh và chị D sống ly thân 13 năm nay, vợ chồng không quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau từ đó đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đào Thị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn T, sinh ngày 11/8/2004 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 08/02/2008. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi nên anh không đề nghị giải quyết, còn cháu T1 hiện đang học lớp 9 trường THCS B, anh có nguyện vọng nuôi cháu T1 sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn là chị Đào Thị D trình bày:

Chị D xác định thời gian kết hôn và vợ chồng có đăng ký kết hôn như anh Đỗ Văn H trình bày là đúng. Chị và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị bị xảy thai mấy lần nên suy nghĩ nhiều, rối loạn tâm thần nên phải đi bệnh viện điều trị, trong thời gian này anh H nghe lời mẹ nên xa lánh vợ. Chị và anh H đã sống ly thân khoảng 5 năm nay, hiện tại vợ chồng sống cùng trên một thửa đất nhưng mỗi người ở một nhà, ăn riêng, ngủ riêng, sinh hoạt riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị có quan điểm là vợ chồng không còn trẻ, muốn các con có cả bố và mẹ, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên muốn anh H suy nghĩ lại, rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp anh H vẫn kiên quyết ly hôn thì chị cũng nhất trí nhưng yêu cầu phải chia tài sản chung cho rõ ràng thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn T, sinh ngày 11/8/2004 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 08/02/2008. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi đang đi nghĩa vụ quân sự nên chị không đề nghị giải quyết, còn cháu T1 hiện đang học lớp 9 trường THCS B, nay cháu muốn được ở với ai là quyền của cháu quyết định. Nếu cháu muốn ở với mẹ thì chị nhất trí nuôi cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Còn cháu muốn ở với bố thì chị cũng nhất trí.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2023 cháu Đỗ Văn T1 trình bày: Cháu là con của bố Đỗ Văn H và mẹ là Đào Thị D. Hiện nay cháu đang học lớp 9A3 trường THCS B (xã B, huyện Lục Nam). Cháu có biết việc bố mẹ mâu thuẫn và mong muốn bố mẹ về ở với nhau, trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố Đỗ Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Đào Thị D.

- Về con chung: Giao anh Đỗ Văn H là người trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Văn T1, sinh ngày 08/02/2008. Chị Đào Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nội tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Anh Đỗ Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Đào Thị D. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn chị Đào Thị D là người có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Đào Thị D kết hôn với nhau vào ngày 04/11/1998, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do vậy xác định quan hệ giữa anh Đỗ Văn H và chị Đào Thị D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ thể hiện: Từ năm 2003 đến nay, vợ chồng anh Đỗ Văn H - chị Đào Thị D có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về đời sống tình cảm, mặc dù vẫn ở chung trên một thửa đất nhưng vợ chồng mỗi người ở riêng một nhà, không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, quan hệ tình cảm với nhau, lời khai của các bên đều

thừa nhận việc này. Như vậy xác định, mâu thuẫn giữa anh Đỗ Văn H và chị Đào Thị D là có thật và mâu thuẫn này đã kéo dài rất nhiều năm. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng phía anh H vẫn giữ nguyên quan điểm. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn yêu cầu ly hôn, do vậy xét thấy cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Đào Thị D là phù hợp quy định của pháp luật.

[3.3] Về con chung: Anh Đỗ Văn H và chị Đào Thị D có 02 con chung là Đỗ Văn T, sinh ngày 11/8/2004 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 08/02/2008. Nay cháu T đã trưởng thành, đang đi nghĩa vụ quân sự, vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Cháu Đỗ Văn T1 hiện nay đang học phổ thông cơ sở và có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, cháu T1 ở cùng bố từ nhỏ, điều kiện về nơi ăn, ở, thời gian, kinh tế của anh H đều đảm bảo cho việc chăm sóc con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, xét thấy cần giao cháu Đỗ Văn T1 cho bố là Đỗ Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nguyện vọng của cháu T1 cũng như nguyện vọng của các bên trong vụ án này.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị Đào Thị D có đưa ra điều kiện để ly hôn anh Đỗ Văn H đó là anh Hphải chia tài sản chung cho chị. Xét thấy việc chị D yêu cầu chia tài sản chung với anh H là chính đáng, tuy nhiên yêu cầu này của chị Đào Thị D tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy vậy, trường hợp chị Đào Thị D và anh Đỗ Văn H không tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung và có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[6] Về các vấn đề khác (nợ chung, ruộng canh tác): Do đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Đỗ Văn H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Đào Thị D.

2. Về con chung: Giao anh Đỗ Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đỗ Văn T1, sinh ngày 08/02/2008.

Chị Đào Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014235 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đỗ Văn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã B, huyện Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn